PHƯỜNG ĐỨC LONG - THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

DỰ ÁN LẤN BIỂN, BỐ TRÍ SẮP XẾP LẠI DÂN CƯ VÀ CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ PHƯỜNG ĐỨC LONG - THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG

MẶT CẮT 1-1

MẶT CẮT 2-2

MẶT CẮT 6-6

MẶT CẮT 3-3

MẶT CẮT 4-4

MẶT CẮT 5-5

MẶT CẮT 7-7

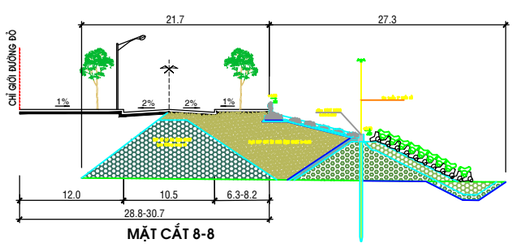

MẶT CẮT 8-8

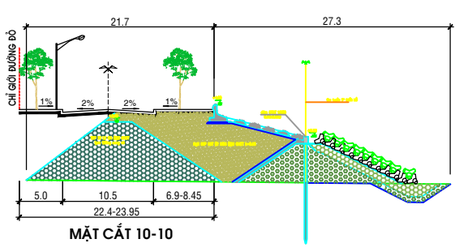

MẶT CẮT 10-10

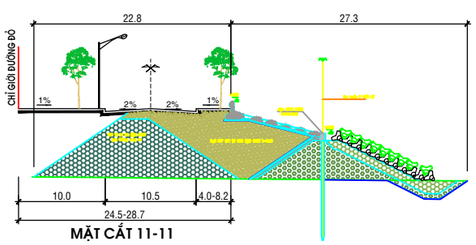

MẶT CẮT 11-11

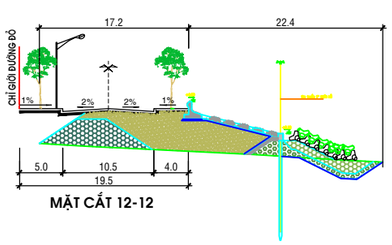

MẶT CẮT 12-12

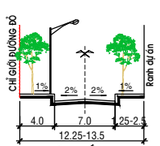

MẶT CẮT 9-9

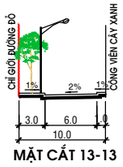

MẶT CẮT 13-13

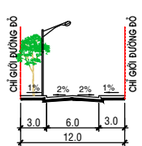

MẶT CẮT 14-14

KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG (ĐƯỜNG CHÍNH KHU VỰC)
- BÊ TÔNG NHỰA CHẶT (9.5) DÀY 4cm SKN
- TƯỚI NHỰA DÍNH BÁM TC 0.5Kg/m2
- BÊ TÔNG NHỰA CHẶT (19) DÀY 5cm SKN
- TƯỚI NHỰA DÍNH BÁM TC 1Kg/m2
- CẤP PHỐI ĐÁ DĂM LOẠI I DÀY 15cm SKN K>=0.98
- CẤP PHỐI ĐÁ DĂM LOẠI II DÀY 25cm SKN K>=0.98
- LỚP ĐẤT CẤP III DÀY 30cm SKN K>=0.98
- ĐẤT NỀN ĐÀO ĐẮP TỚI CĐTK K>=0.95

KẾT CẤU VỈA HÈ
- LÁT ĐÁ GRANITE (ĐƯỜNG GIAO THÔNG VEN BIỂN)
- LÁT GẠCH TERAZZO 400x400x30(mm) (CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI)
- LỚP VỮA XM M75 DÀY 2cm
- BT LÓT ĐÁ 1x2 M150 DÀY 8cm
- ĐẤT NỀN ĐÀO ĐẮP TỚI CĐTK K>=0.95

KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG (ĐƯỜNG NỘI BỘ)
- BÊ TÔNG NHỰA CHẶT (9.5) DÀY 7cm SKN
- TƯỚI NHỰA DÍNH BÁM TC 1Kg/m2
- CẤP PHỐI ĐÁ DĂM LOẠI I DÀY 30cm SKN K>=0.98
- LỚP ĐẤT CẤP III DÀY 30cm SKN K>=0.98
- ĐẤT NỀN ĐÀO ĐẮP TỚI CĐTK K>=0.95

GHI CHÚ KHU VỰC KÈ:
- VỊ TRÍ 1, 2 (MÀU ĐỎ) : BẬT LÊN XUỐNG
- VỊ TRÍ 3 (MÀU XANH): ĐƯỢC BỐ TRÍ RIÊNG CHO VIỆC SỬ DỤNG THUYỀN THÚNG VÀ DI CHUYỂN CỦA NGƯ DÂN.

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU ĐƯỜNG GIAO THÔNG

TT	Tên đường	Chiều dài(m)	Mặt cắt	Bề rộng(m)				Diện tích(m2)			
				M/đường	Vỉa hè	GPC	Lộ giới	M/đường	Vỉa hè	GPC	Đất GT
1	Đường Trương Văn Ly	1.232,06	1-1	10.5+10.5	6+6	4	37	21.445,50	12.254,57	4.017,272	37.717,34
2	Đường Trần Lê	1.470,40	4-4	15	5+5		25	21.062,25	14.041,50		35.103,75
		704,66	5-5	10,5	5+5		20,5	7.398,93	7.046,60		14.445,53
3	Đường giao thông ven biển	213,67	10-10	10,5	5+(6,9->8,45)		22,4->23,95	2.044,07	2.467,49		4.511,56
		786,44	8-8	10,5	12+(6,3->8,2)		28,8->30,7	7.748,37	14.205,35		21.953,72
		201,07	11-11	10,5	10+(4->8,2)		24,5->28,7	2.111,24	3.237,23		5.348,46
		488,68	12-12	10,5	5+4		19,5	4.315,50	3.699,00		8.014,50
4	Đường Vành đai 1	604,22	5-5	10,5	5+5		20,5	4.370,05	4.161,95		8.531,99
5	Đường Vành đai 2	477,34	5-5	10,5	5+5		20,5	4.018,07	3.826,74		7.844,81
6	Đường Vành đai 3	628,37	2-2	15	6+6		27	5.022,83	4.018,27		9.041,10
7	Đường A3	897,94	13-13	6	3+1		10	5.387,64	3.591,76		8.979,40
8	Đường A4	906,42	13-13	6	3+1		10	5.438,52	3.625,68		9.064,20
9	Đường A5	1.322,30	6-6	7	5+5		17	8.146,08	11.637,26		19.783,34
10	Đường A6	1.156,44	5-5	10,5	5+5		20,5	9.527,68	9.073,99		18.601,67
11	Đường A7	600,34	7-7	7	4+4		15	4.202,38	4.802,72		9.005,10
12	Đường A8	343,17	7-7	7	4+4		15	2.402,19	2.745,36		5.147,55
13	Đường A9	315,64	7-7	7	4+4		15	2.209,48	2.525,12		4.734,60
14	Đường A10	428,45	7-7	7	4+4		15	2.294,40	2.622,17		4.916,57
15	Đường A11	553,71	7-7	7	4+4		15	3.875,99	4.429,70		8.305,69
16	Đường A12	689,60	7-7	7	4+4		15	4.827,17	5.516,77		10.343,94
17	Đường A13	448,06	7-7	7	4+4		15	3.136,42	3.584,48		6.720,90
18	Đường A14	813,84	7-7	7	4+4		15	5.696,89	6.510,73		12.207,62
19	Đường A15	117,96	7-7	7	4+4		15	825,71	943,67		1.769,38
20	Đường A16	702,77	7-7	7	4+4		15	4.919,41	5.622,19		10.541,60
21	Đường A17	228,71	7-7	7	4+4		15	1.600,99	1.829,71		3.430,70
22	Đường A18	121,99	7-7	7	4+4		15	853,94	975,93		1.829,86
23	Đường A19	397,14	7-7	7	4+4		15	2.779,98	3.177,12		5.957,10
24	Đường A20	985,36	7-7	7	4+4		15	6.897,52	7.882,88		14.780,40
25	Đường A21	540,00	7-7	7	4+4		15	3.780,00	4.320,00		8.100,00
26	Đường A22	691,56	7-7	7	4+4		15	4.840,92	5.532,48		10.373,40
27	Đường A23	89,37	13-13	6	3+1		10	536,22	357,48		893,70
28	Đường A24	205,49	7-7	7	4+4		15	1.438,43	1.643,92		3.082,35
29	Đường A25	423,33	7-7	7	4+4		15	2.963,32	3.386,65		6.349,96
30	Đường A26	243,57	7-7	7	4+4		15	1.704,99	1.948,56		3.653,55
31	Đường B1	208,00	13-13	6	3+1		10	1.248,00	832,00		2.080,00
32	Đường B2	105,50	14-14	6	3+3		12	633,00	422,00		1.055,00
33	Đường B3	436,37	7-7	7	4+4		15	3.054,59	3.490,96		6.545,55
34	Đường B4	298,86	7-7	7	4+4		15	2.092,04	2.390,90		4.482,95
35	Đường B5	184,60	7-7	7	4+4		15	1.292,18	1.476,78		2.768,96
36	Đường B6	387,28	5-5	10,5	5+5		20,5	4.066,44	3.872,80		7.939,24
37	Đường B7	404,36	6-6	7	5+5		17	2.830,52	4.043,60		6.874,12
38	Đường B8	133,75	7-7	7	4+4		15	936,25	1.070,00		2.006,25
39	Đường B9	168,57	7-7	7	4+4		15	1.179,99	1.348,56		2.528,55
40	Đường B10	708,02	3-3	7+7	5+5	2	26	9.912,23	7.080,16	855,27	17.847,66
41	Đường B11	101,40	7-7	7	4+4		15	709,80	811,20		1.521,00
42	Đường B12	106,52	7-7	7	4+4		15	745,64	852,16		1.597,80
43	Đường B13	174,97	9-9	7	4+(1,25->2,5)		12,25->13,5	1.224,79	1.049,82		2.274,61
44	Đường B14	217,26	7-7	7	4+4		15	1.520,82	1.738,08		3.258,90
45	Đường B15	542,23	5-5	10,5	5+5		20,5	5.693,36	5.422,25		11.115,61
46	Đường B16	216,31	7-7	7	4+4		15	1.514,17	1.730,48		3.244,65
47	Đường B17	214,23	5-5	10,5	5+5		20,5	2.249,42	2.142,30		4.391,72
48	Đường B18	211,70	5-5	10,5	5+5		20,5	2.222,85	2.117,00		4.339,85
49	Đường B19	96,28	7-7	7	4+4		15	673,96	770,24		1.444,20
50	Đường B20	89,93	7-7	7	4+4		15	629,51	719,44		1.348,95
51	Đường B21	83,01	7-7	7	4+4		15	581,07	664,08		1.245,15
52	Đường B22	165,98	5-5	10,5	5+5		20,5	1.742,79	1.659,80		3.402,59
53	Đường B23	98,97	7-7	7	4+4		15	692,79	791,76		1.484,55
54	Đường đi bộ			4-5			4-5		15.360,16		15.360,16
55	Bãi đỗ xe										3.953,49
	Tổng cộng	**25.384,18**						**217.269,30**	**229.101,54**	**4.872,54**	**455.196,87**

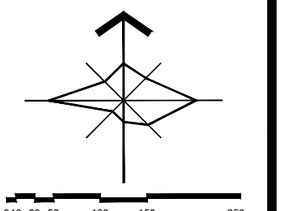

1. TRƯỜNG MẪU GIÁO
2. TRƯỜNG TIỂU HỌC
3. TRƯỜNG NHIỀU CẤP HỌC
4. TRẠM Y TẾ
5. TRUNG TÂM VĂN HÓA + THƯ VIỆN CÔNG CỘNG
6. CHỢ TRUNG TÂM
7. THỂ DỤC THỂ THAO
8. CHUNG CƯ
9. TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
10. ĐÌNH LÀNG SỞ 3 MIẾN
11. CHỢ CÁ TRUYỀN THỐNG
12. ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
13. BÃI XE
14. TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
15. ĐẤT CÂY XANH KẾT HỢP CÁC HOẠT ĐỘNG TDTT THƯỜNG NHẬT, YOGA, DANCE SPORT, AEROBIC...
16. ĐẤT BÃI TẮM CÔNG CỘNG

KÝ HIỆU

- RANH ĐẤT QUY HOẠCH
- CAO ĐỘ HOÀN THIỆN MẶT ĐƯỜNG(m)
- CAO ĐỘ TỰ NHIÊN(m)
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

TẤT CẢ ĐƠN VỊ TRONG BẢN VẼ LÀ MÉT
HỆ TOẠ ĐỘ CAO ĐỘ NHÀ NƯỚC VN - 2000
X LÀ KHOẢNG LÙI XÂY DỰNG (X=0...6)

- TRƯỜNG MẪU GIÁO
- TRƯỜNG TIỂU HỌC
- TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
- TRƯỜNG PHỔ THÔNG TRUNG HỌC
- TRẠM Y TẾ
- TRUNG TÂM VĂN HÓA+ THƯ VIỆN CÔNG CỘNG
- TÔN GIÁO
- ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
- BÃI XE
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT : ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ.....QĐ - UBND NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2020

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH : PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ.....//QLĐT NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2020

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÚC HẢI
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ...../2020/TTr-TPH NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2020
P.TGĐ NGÔ ĐỨC TRUNG

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM : ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT DỰ ÁN LẤN BIỂN, BỐ TRÍ SẮP XẾP LẠI DÂN CƯ VÀ CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ PHƯỜNG ĐỨC LONG - TP.PHAN THIẾT

TÊN BẢN VẼ : BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG

BẢN VẼ: QH-11/21	GHÉP: _A0+_A1	TỶ LỆ: 1 /500
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	NGÀY HT: 02/2020
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN TRÍ DŨNG	
TRƯỞNG PHÒNG	KS. VŨ TỐ HOÀI	
Q.L. KỸ THUẬT	KTS.PHẠM HỮU THỰC	

GIÁM ĐỐC :
ĐỖ THỊ KIM HẠNH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HỒNG HẠC VÀ CÔNG CỔ PHẦN TƯ VẤN Á ĐÔNG